

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2018/HS-PT  
Ngày: 28-12-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bằng.
- *Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Tùng, bà Trần Thị Phụng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý 395/HSPT ngày 03/12/2018 đối với bị cáo Nguyễn Hữu L, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đối với bản án hình sự sơ thẩm số 241/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Bị cáo bị kháng nghị:***

**Nguyễn Hữu L**, sinh ngày 19/9/1976, tại tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Nhóm 8, buôn T (TJ), xã EK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu B (chết) và bà Nguyễn Thị T; Có vợ Phan Thị Xn, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 10/6/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm 2 khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số 38/2016/HSST, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/8/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999. Ngày 07/12/2017 bị bắt theo quyết định truy nã. Vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngày 12/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị hại: Bà Đỗ Thị Q - Trú tại: Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BM T, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn S - Trú tại: 611 HTP, phường TĐ, Quận 7, thành phố HCM (Vắng mặt).

+ Bà Phan Thị S - Trú tại: Thôn 8, buôn T, xã EK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết ông B có nhu cầu bán vườn cây cao su tại xã QS, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông. Nguyễn Hữu L đã đến nhà ông B tại thành phố HCM giới thiệu L là người môi giới đất đai, ông B đã phô tô 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho L để nếu có người cần mua thì L giới thiệu để lấy tiền hoa hồng. Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bằng các hành vi gian dối, L đã lừa đảo bán cho bà Đỗ Thị Q 10 ha đất trồng cây cao su tại xã QS, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông và đã chiếm đoạt của bà Q 350.000.000 đồng, cụ thể: L sửa thông tin chủ sử dụng đất từ ông B thành Nguyễn Hữu L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 385915, có diện tích 868.400 m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 09/02/2015; L dẫn bà Q, anh Phạm Văn Đ (con bà Q), anh Phạm Quang C (cháu bà Q) đi xem đất tại xã QS, huyện ĐG; L đưa bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 385915 đã sửa thông tin chủ thửa cho bà Q xem, L nói dối bản gốc đã đưa cho Ngân hàng D để làm thủ tục vay tiền. Ngày 06/7/2016 tại nhà bà Q (tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk), bà Q giao cho L 310.000.000 đồng, L nhận và viết 01 giấy sang nhượng đất thể hiện L sang nhượng cho bà Q 10 ha đất tại xã QS, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông. Khoảng nửa tháng sau, L gọi điện thoại cho bà Q nói dối con mình bị tai nạn đang cấp cứu tại thành phố HCM, nên bà Q đã gửi thêm 40.000.000 đồng cho L thông qua nhà xe DN. Sau khi chiếm đoạt của bà Q

350.000.000 đồng, L đã sử dụng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân. Hết thời gian theo thỏa thuận, không thấy L làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng, bà Q đã nhiều lần liên lạc với L để đòi lại tiền nhưng L cố tình trốn tránh không trả, bà Q đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Kết luận giám định số 356/PC54 ngày 02/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hữu L trong giấy sang nhượng đất ngày 06/7/2016 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hữu L trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, xác minh thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 385915 ngày 09/02/2015 được Ủy ban nhân dân huyện ĐG tỉnh Đắk Nông cấp cho ông B. Hiện không có thông tin về việc ông B chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 241/2018/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 08 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 50, khoản 2 Điều 51 BLHS 1999 tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 38/2016/HSST ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 31/12/2015 đến ngày 08/4/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 11/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột kháng nghị bản án trên, lý do bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn, chưa khắc phục hậu quả, đang chấp hành hình phạt lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt 08 năm 06 tháng tù là nhẹ. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã

phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là còn nhẹ chưa phù hợp, chưa tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Bởi lẽ số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn (350 triệu đồng), bị cáo chưa khắc phục hậu quả, bị cáo đang trong thời gian chấp hành án 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo không ăn năn hối cải, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu L từ 10 năm đến 10 năm 6 tháng tù, tổng hợp hình phạt của hai bản án từ 12 năm 6 tháng đến 13 năm tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án có đủ cơ sở kết luận: Bằng thủ đoạn gian dối như sửa đổi tên chủ sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đưa bà Q đi xem đất, tự nhận đó là đất của mình, nói dối giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp ở ngân hàng để bà Q tin tưởng. Ngày 06/7/2016, tại nhà bà Q thuộc tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, L đã lừa bán cho bà Q 10 ha đất trồng cao su tại xã QS, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông, chiếm đoạt tổng số tiền 350.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm số 241/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, thấy rằng: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại lớn (350.000.000 đồng), sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa khắc phục hậu quả do mình gây ra, bị cáo đang trong thời gian

chấp hành án 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo không ăn năn hối cải, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt 08 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là nhẹ, chưa đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là có cơ sở nên chấp nhận, cần tăng hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu L. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 241/2018/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 38/2016/HSST ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 31/12/2015 đến ngày 08/4/2016.

Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp. BMT;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Cổng thông tin điện tử Toà án;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Bằng**